

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Định Khóa XIII, Kỳ họp thứ 6 quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định tại Tờ trình số 1763/TTr-SGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định (kèm theo Báo Cáo thẩm định số 245/BC-STP ngày 04/8/2022 của Sở Tư pháp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quyết định này áp dụng đối với nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập, trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập, trường mầm non, lớp mầm non độc lập công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh; trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có dạy chương trình giáo dục phổ thông; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập có Đề án sử dụng tài sản công để cho thuê, liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện mức thu theo đề án được duyệt.

c) Không áp dụng thu để thuê khoán người nấu ăn cho học sinh trong các cơ sở giáo dục công lập đã được ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 2 Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục có quy định mức thu tối đa theo khoản 2 Điều 2 này phải thực hiện thỏa thuận giữa nhà trường với cha mẹ học sinh; khoản thu và mức thu khi thực hiện không vượt quá mức thu tối đa theo quy định. Việc thỏa thuận thực hiện bằng văn bản.

b) Các khoản thu, mức thu phải phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở giáo dục, điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của cha mẹ học sinh và đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Căn cứ tình hình thực tế, cơ sở giáo dục và Ban đại diện cha mẹ học sinh xem xét miễn, giảm các khoản thu dịch vụ đối với những trường hợp: Con liệt sỹ; gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; bị tàn tật, khuyết tật (trừ cơ sở giáo dục trẻ em khuyết tật); mồ côi cả cha lẫn mẹ; con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

2. Mức thu các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học đối với các cơ sở giáo dục công lập, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non vào ngày thứ 7 và trong thời gian nghỉ hè	Ngàn đồng/trẻ/ngày	30
2	Dịch vụ bán trú (không bao gồm tiền ăn)	Ngàn đồng/học sinh/tháng	150
3	Dạy thêm, học thêm trong nhà trường		
	- THCS	Ngàn đồng/học sinh/tiết	7
	- THPT	Ngàn đồng/học sinh/tiết	8
4	Hỗ trợ hoạt động dạy nghề phổ thông (hỗ trợ tiền mua phôi liệu dạy nghề)		
	- THCS	Ngàn đồng/học sinh/tháng	20
	- THPT	Ngàn đồng/học sinh/tháng	30
5	Thi tốt nghiệp nghề phổ thông	Ngàn đồng/học sinh/đợt	60
6	Dạy trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh và Dạy ngoại ngữ (môn tự chọn) và làm quen Tin học cho học sinh lớp 1, 2	Ngàn đồng/học sinh/giờ (hoặc tiết)	10

3. Công tác quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Mức thu, mức chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải được đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ sở giáo dục công lập trước khi tổ chức thực hiện.

4. Thời gian thực hiện: từ năm học 2022-2023.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 08 năm 2022.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này tại các đơn vị, địa phương; thường xuyên báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định, kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc sửa đổi, bổ sung Quyết định cho phù hợp (nếu có).

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT THCB;
- Lưu: VT, K9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang